TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-PT
Ngày 14-11-2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Ông Cao Văn Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thúy Hà, Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2018/TLPT- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3343/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, nơi cư trú: Số 7/94 đường Ng V H, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, nơi cư trú: Số 212 đường A, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Công T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Công T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến ngày 22/3/2005 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ

ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị Th, thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ, con. Hai vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh nhạt nên đến tháng 10 năm 2017 chị Th đã làm đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền. Sau khi nộp đơn, do thấy anh T đã nhận ra sai lầm và mong muốn sửa chữa để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cho các con có được tình cảm của cả bố và mẹ nên chị Th đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi rút đơn ly hôn tình cảm vợ chồng không được cải thiện, giữa hai người tiếp tục mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh T không sửa chữa sai lầm, tiếp tục chửi bới, xúc phạm vợ. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 3 năm 2018 và anh chị đã sống ly thân đến nay, không quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Chị Th chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị Th xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Chị Th và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Công T, sinh ngày 25/7/2005 và Nguyễn Công Th, sinh ngày 23/6/2010. Khi ly hôn, chị Th đồng ý giao con Nguyễn Công T cho anh T nuôi, chị Th nuôi con Nguyễn Công Th. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh Ttự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Công T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, trong bản tự khai và các phiên hòa giải tại Tòa án, anh Nguyễn Công T có quan điểm như sau:

Anh đồng ý với lời khai của chị Th về điều kiện và quá trình kết hôn. Anh chị kết hôn tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới năm 2004 và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và đã có hai chung. Ban đầu, anh T có lời khai xác nhận anh và chị Th chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, chủ yếu do mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày; anh T nóng tính nên thỉnh thoảng có chửi bới, xúc phạm chị Th. Mâu thuẫn căng thẳng đến tháng 10 năm 2017 anh chị đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận N. Sau đó, chị Th đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Từ sau khi rút đơn tại Tòa án, anh T đã cố gắng thay đổi, sửa chữa sai lầm, không còn chửi bới, xúc phạm chị Th nữa. Sau đó, anh T thay đổi lời khai về mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng, giữa anh và chị Th không có mâu thuẫn trong cuộc sống chung hàng ngày. Chị Th muốn ly hôn nên đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Anh chị sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay do chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Quan điểm của anh T yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị Th.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị Th đã trình bày. Trường hợp ly hôn, anh T nuôi con Nguyễn Công T, chị Th nuôi con Nguyễn Công Th. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Th sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Công T.

2. Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Công T có hai con chung là Nguyễn Công T, sinh ngày 25/7/2005 và Nguyễn Công Th, sinh ngày 23/6/2010. Giao con Nguyễn Công T cho anh T trực tiếp nuôi, giao con Nguyễn Công Th cho chị Th trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 9 năm 2018 anh Nguyễn Công T có đơn kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình vì anh T không có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng khiến cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhận không đạt được mà Tòa án cấp sơ thẩm vẫn quyết định ly hôn theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm bác đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày: Anh và chị Th không ly thân nhưng mỗi người ở một nơi từ tháng 4 năm 2018. Chị Th thuê nhà gần bố mẹ đẻ để chăm sóc bố mẹ của chị, còn anh về nhà bố mẹ đẻ để chăm sóc bố mẹ của anh. Vợ chồng không quan tâm đến nhau về kinh tế. Kinh tế của ai thì người đó tự lo. Anh T không biết lý do chị Th xin ly hôn là gì và cũng không có phương án hòa giải đoàn tụ với chị Th. Trong cuộc sống vợ chồng có những lúc cãi nhau nhưng anh cho rằng chưa đến mức nghiêm trọng. Nếu có căn cứ ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì anh sẽ đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm.

Chị Th giữ nguyên yêu cầu ly hôn và trình bày: Trong năm 2017, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, anh T có hành vi đánh đập chửi bới chị. Mẹ đẻ của chị đã khuyên bảo nhưng anh T cho rằng đó là bản tính của anh nên không thay đổi được. Trong thời gian vợ chồng ly thân, có hai lần anh T đến nhà chị mắng mẹ chị chứ không có mục đích quan tâm hòa giải vợ chồng và chị đã yêu cầu anh T ra khỏi nhà nhưng anh T cố tình ở lại. Vì ngại hàng xóm nên chị không muốn ồn ào. Tình

cảm vợ chồng đối với anh T không còn. Vợ chồng đã mất lòng tin thì không thể nào hàn gắn được. Về con chung: Chị đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đúng quy định.

Cả anh T và chị Th đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên xảy ra xô sát, cãi vã. Anh T có những cư xử không đúng mực với chị Th. Chị Th từng gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân quận N vào tháng 10/2017. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng. Anh T mong muốn đoàn tụ nhưng không có phương án cải thiện quan hệ vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Xét yêu cầu kháng cáo:

[1] Căn cứ vào lời khai của chị Th và anh T cùng các tài liệu xác minh, thấy mâu thuẫn của anh T và chị Th phát sinh từ khoảng năm 2016, nguyên nhân do anh chị thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau; anh T nóng tính nên đôi lúc có những cư xử không đúng mực với chị Th. Do mâu thuẫn căng thẳng chị Th đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân quận N. Do được Tòa án và gia đình hòa giải nên chị Th đã rút đơn ly hôn, tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng từ khi chị rút đơn ly hôn, mâu thuẫn liên tục xảy ra vào năm 2017 và anh chị không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2014. Anh T xác nhận vợ chồng không quan tâm trách nhiệm với nhau về kinh tế và cho rằng vợ chồng có những xích mích cãi vã nhưng chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn tình cảm với vợ nhưng không có phương án để cải thiện tình cảm vợ chồng và nếu có căn cứ ly hôn theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì anh sẽ đồng ý ly hôn. Như vậy, lời trình bày của anh Tđã thừa nhận bản thân anh không có tình cảm với chị Th nên không biết lý do chị Th xin ly hôn là gì. Mặt khác, những người thân trong gia đình chị Th cũng xác nhận anh T là người cục cằn, gia trưởng. Nhiều lần mẹ đẻ của chị Th đã phải đến nhà để căn ngăn do anh T có hành vi đánh đập và đuổi ra Thêm ra khỏi nhà nên chị Th đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa anh T và chị Th không đạt được và mâu thuẫn đã trầm trọng. Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng có đảm bảo hạnh phúc hay không, phải xuất phát từ tình cảm của cả hai người. Tại phiên tòa, một lần nữa chị Th khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quyết định cho chị Th được ly hôn anh T là áp dụng đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Công T. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh T phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Công T.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 48/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Công T.

2. Về việc nuôi con: Giao con Nguyễn Công T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2005 cho anh T trực tiếp nuôi, giao con Nguyễn Công Th, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2010 cho chị Th trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Th, anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Công T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14571 ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Công T phải 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm. Anh T đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0014878 ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

Trong trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp